

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT CÔNG NGHỆ CAO

Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 76/2025/L-CTN ngày 12/12/2025; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 67/2014/QH13, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 93/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12) hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Luật này.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc ban hành Luật Công nghệ cao năm 2025 (CNC) nhằm hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý cho phát triển CNC theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, đây là căn cứ chính trị quan trọng thể hiện quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo về phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược (CNCL). Nghị quyết cũng đã xác định một số mục tiêu cụ thể đến 2030 như: tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm CNC trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%; từng bước làm chủ một số CNCL.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định cần tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định quan điểm chỉ đạo là kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật CNC được Quốc hội ban hành từ năm 2008, là đạo luật đầu tiên và duy nhất điều chỉnh về CNC tại Việt Nam, sau 17 năm thực hiện nhiều quy định đã trở nên lỗi thời, thiếu đồng bộ với pháp luật chuyên ngành, không thể thực hiện được hoặc không còn phù hợp với thực tiễn sẽ là rào cản thúc đẩy phát triển CNC trong nước nếu không được kịp thời sửa đổi, bổ sung. Từ đó đến nay, Luật CNC chỉ được sửa đổi ở phạm vi hẹp tại các điều khoản nhỏ năm 2013¹ và năm 2014², năm 2025³. Tuy nhiên, chưa có lần sửa đổi nào mang tính tổng thể để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với bối cảnh pháp lý, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đang có nhiều thay đổi nhanh chóng, sâu sắc. Việc sửa đổi toàn diện Luật CNC lần này xuất phát từ các cơ sở thực tiễn sau:

- *Sự thay đổi mạnh mẽ trong hệ thống pháp luật có liên quan:* Trong bối cảnh hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang có sự điều chỉnh toàn diện⁴, thay đổi này tác động trực tiếp đến nội dung điều chỉnh của Luật CNC, một thành phần trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do đó, việc sửa đổi Luật CNC không chỉ là yêu cầu khách quan, mà còn là bước đi cấp thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng pháp lý thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNC, phục vụ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- *Bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi:* Thế giới đã bước vào giai đoạn phát triển mới, trong đó CNC giữ vai trò then chốt, quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia. Các quốc gia phát triển và đang phát triển đều xem CNC là động lực cốt lõi để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an ninh công nghệ và chủ quyền số. Vì vậy, nhiều nước đã điều chỉnh chính sách ưu đãi, đầu tư trọng điểm vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNC, CNCL trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, các thể chế linh hoạt để thu hút đầu tư CNC nước ngoài gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ nguồn, công nghệ lõi và tăng cường năng lực công nghệ nội sinh, thúc đẩy doanh nghiệp nội địa tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trước yêu cầu đó, Việt Nam cần nhanh chóng đổi mới tư duy và cách tiếp cận trong quản lý, phát triển CNC, trong đó việc sửa đổi Luật CNC là bước đi căn cơ để tạo nền tảng chính sách phù hợp với xu thế phát triển và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia về CNC.

- *Nhiều vướng mắc trong thực tiễn cần được tháo gỡ bằng công cụ pháp luật:* Sau 17 năm thi hành, Luật CNC đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cả trong nội dung

¹ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013 sửa đổi Điều 18, Điều 19 Luật CNC.

² Điều 74 Luật Đầu tư năm 2014 sửa đổi Điều 18 Luật CNC.

³ Tại Điều 71 Luật KH, CN & ĐMST (để bổ sung quy định về CNCL) và khoản 2 Điều 49 Luật Công nghiệp công nghệ số (để bổ sung công nghệ số).

⁴ Luật KH, CN & ĐMST, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã được ban hành tháng 6/2025; Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ đang trong quá trình sửa đổi bổ sung.

và tổ chức thực hiện, chưa giữ vai trò thúc đẩy phát triển mạnh mẽ năng lực CNC trong nước. Một số chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng... dành cho doanh nghiệp CNC có quy mô lớn nhưng chưa gắn với điều kiện ràng buộc hiệu quả như tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư nghiên cứu phát triển trong nước... Các chính sách thúc đẩy nghiên cứu phát triển, ứng dụng CNC chưa thu hút được các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia. Việc quy định 4 lĩnh vực công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển chưa được cập nhật kịp thời, dẫn đến việc chậm thích ứng với các xu hướng và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ mới trên thế giới. Việc phát triển các khu CNC chưa đi liền với hệ sinh thái nghiên cứu phát triển, vườn ươm công nghệ, viện nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp..., các quy định về khu CNC chưa tạo sự linh hoạt về mô hình và hoạt động quản lý, trong khi các mô hình khu CNC mới trên thế giới đã có nhiều thay đổi thời gian qua. Về tổ chức thực hiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước đối với hoạt động CNC và đối với khu CNC cũng là một trong những rào cản cần gỡ bỏ để đảm bảo thúc đẩy phát triển. Những tồn tại này cho thấy tính cấp thiết của việc rà soát, sửa đổi toàn diện Luật CNC để bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả trong triển khai.

Việc sửa đổi Luật CNC lần này cũng nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Nghị quyết đã xác định rõ định hướng phát triển CNC gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao CNC.

Việc sửa đổi Luật là bước đi cần thiết để thể chế hóa tinh thần của Nghị quyết, qua đó tạo hành lang pháp lý minh bạch, ổn định và hấp dẫn đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực CNC.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc đề xuất xây dựng Luật CNC nhằm: thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển CNC phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và hội nhập quốc tế trong tình hình mới; triển khai thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, giao các thẩm quyền quản lý nhà nước cho các cấp chính quyền địa phương trong thúc đẩy phát triển CNC, nhất là khu CNC. Đồng thời, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, khả thi và tránh chồng chéo với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt trong bối cảnh Luật KH, CN & ĐMST đã được ban hành với nhiều chính sách đột phá phát triển khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các pháp luật về đầu tư, thuế... và tháo gỡ vướng mắc, rào cản về phát triển CNC hiện nay.

2. Quan điểm xây dựng

Một là, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST để phát triển CNC, CNCL tạo đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Luật cần thể hiện vai trò là công cụ pháp lý quan trọng để phát triển CNC, CNCL, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hai là, việc sửa đổi Luật CNC cần bám sát ba trụ cột: (i) Xu thế công nghệ của thời đại như đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, phát triển các mô hình kinh doanh mới, ngành công nghiệp mới, xây dựng nền sản xuất xanh-sạch; (ii) Chiến lược phát triển quốc gia, trong đó KH,CN&ĐMST là động lực then chốt đối với tăng trưởng chất lượng cao và phát triển bền vững; (iii) Yêu cầu giải quyết các vướng mắc, bất cập thực tế, tạo hành lang pháp lý hiệu quả để phát triển CNC trong nước, nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, tiến tới cạnh tranh công nghệ toàn cầu.

Ba là, quá trình sửa đổi luật cần nghiên cứu, chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia đã thành công trong phát triển CNC để đề xuất các chính sách phù hợp với trình độ phát triển, năng lực thực thi và mục tiêu chiến lược của Việt Nam.

Bốn là, kế thừa có chọn lọc, phát huy những quy định Luật CNC còn phù hợp, đã chứng minh được hiệu quả trong thực tiễn, đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các nội dung chưa đầy đủ, chưa cập nhật theo yêu cầu phát triển hiện nay nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật.

Năm là, Luật CNC phải được thiết kế với bố cục logic, dễ tiếp cận, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng, tránh diễn giải mơ hồ, thiếu định lượng, nhằm bảo đảm người dân, doanh nghiệp, tổ chức dễ tiếp cận và thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả pháp lý của Luật CNC.

III. BỐ CỤC VÀ CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về hoạt động CNC, chính sách, biện pháp khuyến khích, thúc đẩy hoạt động CNC và các hoạt động liên quan đến phát triển CNCL.

b) Đối tượng áp dụng: Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động CNC, CNCL tại Việt Nam.

2. Bộ cục

Bộ cục Luật CNC gồm 06 chương và 27 điều, giảm 08 điều và có sự thay đổi về cấu trúc, hình thức so với Luật CNC hiện hành. Cụ thể:

Chương I. Những quy định chung

Gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10): Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Chính sách phát triển công nghệ cao và công nghệ chiến lược; Tiêu chí xác định công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và công nghệ chiến lược; Tiêu chí xác định sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và sản phẩm công nghệ chiến lược; Hợp tác quốc tế về công nghệ cao, công nghệ chiến lược; Đánh giá hiệu quả hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược; Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghệ cao, công nghệ chiến lược; Các hành vi bị nghiêm cấm

Chương II. Nghiên cứu và Phát triển CNC, CNCL

Gồm 03 điều (từ Điều 11 đến Điều 13): Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; Nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Thu hút và phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao.

Chương III. Phát triển công nghiệp CNC, CNCL và sản phẩm CNC, CNCL

Gồm 03 điều (từ Điều 14 đến Điều 16): Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược; Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ chiến lược; Chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

Chương IV. Thúc đẩy ứng dụng CNC, CNCL

Gồm 03 điều (từ Điều 17 đến Điều 19): Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội; Thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao; Thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

Chương V. Phát triển hệ sinh thái CNC

Gồm 05 điều (từ Điều 20 đến Điều 24): Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghệ cao và cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Các tổ chức ươm tạo, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược; Khu công nghệ cao; Đô thị công nghệ cao; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Chương VI. Điều khoản thi hành

Gồm 03 điều (từ Điều 25 đến Điều 27): Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật có liên quan; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

3. Nội dung cơ bản

Luật CNC được xây dựng với các nội dung kế thừa tối đa các quy định của Luật CNC hiện hành đã được triển khai có hiệu quả trong thời gian qua; thay đổi tư duy quản lý theo hướng quản lý hiệu quả, không quản lý quá trình và thu hút nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho CNC thông qua việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tài trợ kinh phí cho nghiên cứu, phát triển CNC, CNCL, sản phẩm CNC, sản phẩm CNCL...

Luật CNC gồm 06 nhóm chính sách, cụ thể như sau:

Chính sách 1 (Hoàn thiện khái niệm và tiêu chí về CNC Điều 3, Điều 5; Điều 6): Làm rõ khái niệm CNC, CNCL; quy định tiêu chí cụ thể cho CNC, CNCL, sản phẩm CNC, CNCL. Bổ sung rà soát, đánh giá định kỳ, cập nhật kịp thời các danh mục. Chi tiết hóa các hoạt động phát triển CNCL về nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao, nhân lực.

Chính sách 2 (Thiết kế lại hệ thống các chính sách và đối tượng hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư Điều 4, Điều 8, Điều 15, 16): Xác định CNC, CNCL là đột phá chiến lược, ưu tiên nguồn lực nghiên cứu phát triển và thương mại hóa gắn với chuyển đổi số; khuyến khích doanh nghiệp trong nước đầu tư nghiên cứu phát triển CNC, CNCL và các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đa dạng. Trong đó, thiết kế đối tượng được hưởng ưu đãi theo các cấp độ khác nhau theo hướng ưu tiên doanh nghiệp trong nước, mức độ nhận chuyển giao công nghệ, việc đáp ứng các tiêu chí về hoạt động nghiên cứu và phát triển... Đối với chính sách ưu đãi thuế thu nhập, Luật CNC đề nghị một số mức ưu đãi cụ thể để phù hợp với các cấp độ ưu đãi và quy định khung việc thực hiện cơ chế hậu kiểm đối với việc xác nhận các đối tượng ưu đãi (quy định chi tiết do Chính phủ quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành). Việc cấu trúc lại các đối tượng được hưởng ưu đãi và thực hiện theo cơ chế hậu kiểm cũng đồng thời cắt giảm các thủ tục hành chính hiện hành (về cấp các loại giấy chứng nhận).

Chính sách 3 (Khuyến khích phát triển hệ sinh thái CNC Điều 18, 19): Luật CNC quy định việc khuyến khích liên kết chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp, khởi nghiệp, quỹ đầu tư. Khu CNC được xác định theo mô hình mới với vai trò là trung tâm hệ sinh thái, tập trung hoạt động nghiên cứu phát triển, kết nối và lan tỏa đổi mới CNC. Luật CNC đã quy định các chính sách khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật số và dịch vụ dùng chung, thúc đẩy hợp tác công tư; khuyến khích thúc đẩy mua bán, sáp nhập các công ty FDI nắm giữ công nghệ lõi để tiếp nhận, làm chủ công nghệ.

Chính sách 4 (Bổ sung quy định mới về mô hình khu CNC, đô thị CNC Điều 20): Từ kết quả đánh giá quá trình hình thành và phát triển các khu CNC hiện nay, Luật CNC đã đề xuất mô hình khu CNC tập trung hoạt động nghiên cứu phát triển, ươm tạo CNC, CNCL có vai trò thúc đẩy đổi mới kết nối và lan tỏa đổi mới CNC, các điều kiện thành lập khu CNC đảm bảo khả năng thu hút nguồn lực đầu tư và

đặc biệt là các điều kiện về hạ tầng xã hội để đảm bảo thu hút được nguồn lao động chất lượng cao tham gia các hoạt động CNC và hoạt động quản lý tại khu CNC. Theo đó, Luật CNC đề xuất về đối tượng đô thị CNC trong đó khu CNC có vai trò làm hạt nhân, đặt sự phát triển của khu CNC trong điều kiện hoạt động của đô thị KH, CN & ĐMST với mục tiêu đảm bảo các điều kiện hình thành và phát triển hệ sinh thái CNC.

Chính sách 5 (Bổ sung và hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về CNC, cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả Điều 9): Luật CNC quy định khung phân định rõ vai trò quản lý nhà nước của Chính phủ và các cơ quan theo hướng phân cấp, phân quyền; bổ sung quy định về kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động CNC dựa trên bộ chỉ số và dữ liệu số, cơ chế hậu kiểm để đảm bảo việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Chính sách 6 (Bổ sung các quy định về yêu cầu chuyển đổi số toàn diện hoạt động CNC): Luật CNC đã bổ sung các quy định khung về hạ tầng số, số hoá hoạt động quản lý và quản trị thông minh trong các hoạt động CNC (các quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ).

Luật được thiết kế theo nguyên tắc cắt giảm thủ tục, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua tăng cường hậu kiểm, chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý hoạt động CNC nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và giảm các quy trình nội bộ. Luật CNC đã được rà soát để đảm bảo không có quy định ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc và bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc bảo đảm an ninh dự án CNC.

4. Các nội dung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện

- Hoàn thiện khái niệm và tiêu chí về CNC đảm bảo tính hiệu quả và cập nhật so với xu hướng công nghệ trên thế giới, phù hợp với bối cảnh, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Việt Nam. Trong đó, hoàn thiện định nghĩa CNC, nhấn mạnh tính đột phá, lan tỏa và vai trò nền tảng của các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại; khái niệm hoạt động CNC; sản phẩm CNC, không chỉ là sản phẩm mà còn bao gồm dịch vụ được tạo ra từ CNC (Điều 1, Điều 3).

Sửa đổi một số quy định để hoàn thiện các chính sách nhằm phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và khẳng định phát triển CNC và CNCL là đột phá chiến lược để phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm tự chủ công nghệ quốc gia (Điều 6) .

Bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí với CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, CNCL và sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển, sản phẩm CNCL trong đó bổ sung quy định rà soát, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất các Danh mục CNCL và sản phẩm CNC, sản phẩm CNCL được khuyến khích phát triển, nhằm đảm bảo tính cập nhật, thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ toàn cầu (Điều 5, 6).

Sửa đổi quy định về hợp tác quốc tế về CNC và CNCL cho phù hợp với các chính sách, quy định mới và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia (Điều 7)

Cụ thể hóa và bổ sung các hành vi bị cấm như tiết lộ bí mật CNCL, gian dối để hưởng ưu đãi (tại Điều 10).

Sửa đổi quy định về Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tiếp tục phát triển ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (Điều 24).

Bổ sung quy định về phát triển CNCL, trong đó quy định cụ thể về thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, thương mại hoá và sản xuất sản phẩm CNCL, thu hút và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển CNCL (Điều 12, 14, 19).

Bổ sung quy định về khu CNC (về mô hình và điều kiện thành lập), bổ sung đối tượng và một số tiêu chí về CNC đối với đô thị CNC (đô thị CNC tuân thủ theo hành lang pháp lý đối với đô thị) là nơi có khu CNC làm hạt nhân, được quy hoạch, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, cơ chế quản trị hiện đại nhằm bảo đảm điều kiện sống, làm việc và sáng tạo hiện đại, bền vững để phát triển hệ sinh thái CNC (Điều 23, 24).

Bổ sung các quy định khung để khuyến khích doanh nghiệp trong nước nắm giữ CNC, CNCL, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có đầu tư vào CNC, CNCL; các viện nghiên cứu, trường đại học có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) và thương mại hoá công nghệ để phát triển các doanh nghiệp CNC, CNCL để các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong nước có thể tham gia (Điều 15, 16, 17). Bổ sung quy định về khuyến khích thúc đẩy mua bán (M&A), sáp nhập các công ty FDI nắm giữ công nghệ lõi để tiếp nhận, làm chủ công nghệ (Điều 19).

Bổ sung các quy định về hình thành hệ sinh thái CNC như một trụ cột mới nhằm tạo môi trường thuận lợi, toàn diện cho đổi mới sáng tạo để các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khởi nghiệp và quỹ đầu tư có thể tham gia, liên kết trong chuỗi giá trị CNC. Trong đó, khu CNC được xác định là vị trí trung tâm hệ sinh thái đổi mới, kết nối nhằm lan tỏa CNC, thúc đẩy hình thành mạng lưới theo chuỗi giá trị (Điều 20, 21).

5. Nội dung lược bỏ

Lược bỏ quy định cứng việc giới hạn tên 4 lĩnh vực công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa), thay bằng tiêu chí định tính – định lượng xác định CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, CNCL, giúp linh hoạt cập nhật.

Lược bỏ quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm do quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm đã được xác định tại Luật KH, CN & ĐMST năm 2025 (việc thực hiện được dẫn chiếu theo các quy định tại Luật KH, CN & ĐMST năm 2025).

Lược bỏ quy định về ban hành Danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển và Chương trình quốc gia phát triển CNC, để hợp nhất với Danh mục CNCL

và chương trình KH&CN cấp quốc gia về CNCL để tập trung đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

Luật CNC đã lược bỏ chương về nhân lực CNC so với Luật CNC hiện hành. Trong đó, lược bỏ quy định trực tiếp về đào tạo, cơ sở đào tạo nhân lực CNC để tránh việc chồng chéo với các quy định của pháp luật về giáo dục; đối với các quy định về chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực CNC được quy định lồng ghép trong các tiêu chí về CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển và doanh nghiệp CNC, khu CNC, đô thị công nghệ cao.

Lược bỏ một số quy định về ưu đãi đầu tư, thuế, đất đai... vốn đã được điều chỉnh tại các pháp luật chuyên ngành.

6. Các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Luật CNC bỏ các thủ tục cấp Giấy chứng nhận để thực hiện theo cơ chế hậu kiểm đối với các đối tượng được hưởng ưu đãi, đồng thời quy định khung về hoạt động hậu kiểm (quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự thủ tục tại Nghị định của Chính phủ) nhằm đảm bảo khả năng kiểm tra, giám sát và quản lý nhà nước, đồng thời cắt giảm các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp (Điều 8, 16).

7. Các nội dung phân cấp

Luật CNC đã quy định khung trách nhiệm quản lý nhà nước về CNC, CNCL đối với Chính phủ và các cơ quan (Điều 9, Điều 24), theo hướng đánh giá hiệu quả hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược và phân cấp cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh các thẩm quyền về triển khai chính sách, chương trình, dự án phát triển CNC, CNCL và đầu tư, quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, quản lý khu CNC, giám sát, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (ĐXDũng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG